

ĐỀ THI THỬ MÔN HÓA HỌC-THẦY PHẠM VĂN TRỌNG

ĐỀ VỀ ĐÍCH PVT-04

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: $H=1$; $C=12$; $O=16$; $N=14$; $P=31$; $S=32$; $Cl=35,5$; $Br=80$; $Na=23$; $K=39$; $Mg=24$; $Ca=40$; $Ba=137$; $Al=27$; $Fe=56$; $Zn=65$; $Sn=119$; $Cu=64$; $Ag=108$.

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Trong các chất sau đây, chất nào là chất giặt rửa tổng hợp?

- A. $(CH_3[CH_2]_{16}COO)_2Ca$.
 B. $CH_3[CH_2]_{14}COOK$.
 C. $CH_3[CH_2]_{16}COONa$.
 D. $CH_3[CH_2]_{11}-C_6H_4-SO_3Na$.

Câu 2: Kim loại nào sau đây có độ cứng lớn nhất ?

- A. Li. B. Hg. C. W. D. Cr.

Câu 3: Protein chiếm khoảng 20% cơ thể con người và xuất hiện trong thành phần của mọi tế bào. Thành phần phân tử protein nhất thiết phải có mặt 4 nguyên tố nào sau đây?

- A. C, H, S, N. B. C, H, O, N. C. C, H, N, P. D. C, H, O, S.

Câu 4: Margarin là một loại bơ nhân tạo được sản xuất chủ yếu từ dầu thực vật. Để sản xuất bơ nhân tạo từ dầu thực vật người ta thực hiện quá trình

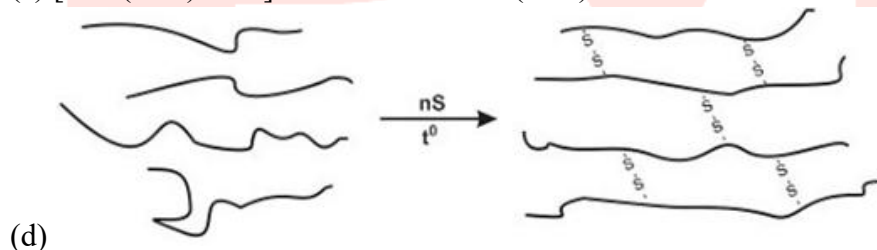
- A. làm lạnh. B. xà phòng hóa.
 C. oxi hóa bởi oxygen không khí. D. hydrogen hóa.

Câu 5: Trong công nghiệp, kim loại nào sau đây được điều chế bằng phương pháp nhiệt luyện ?

- A. Al. B. Na. C. Fe. D. Mg.

Câu 6: Cho phương trình phản ứng hóa học của các polymer sau:

- (a) $[-CH_2-CH(OOCCH_3)-]_n + nNaOH \rightarrow [-CH_2-CH(OH)-]_n + nCH_3COONa$
 (b) $[-CH_2-CH=C(CH_3)-CH_2-]_n + nHCl \rightarrow [-CH_2-CH_2-CCl(CH_3)-CH_2-]_n$
 (c) $[-NH(CH_2)_5CO-]_n + nH_2O \rightarrow nH_2N(CH_2)_5COOH$



Số phản ứng hóa học giữ nguyên mạch polymer là

- A. 3. B. 1. C. 2. D. 4.

Câu 7: Phân supephosphate kép chứa thành phần chủ yếu là $Ca(H_2PO_4)_2$, được sản xuất từ quặng phosphorite theo hai giai đoạn sau :

- **Giai đoạn 1:** $Ca_3(PO_4)_2 + 3H_2SO_4 \rightarrow 2H_3PO_4 + 3CaSO_4$
- **Giai đoạn 2:** $Ca_3(PO_4)_2 + 4H_3PO_4 \rightarrow 3Ca(H_2PO_4)_2$

Để sản xuất được 500 tấn supephosphate kép chứa 69,2% $Ca(H_2PO_4)_2$ với hiệu suất của cả quá trình là 80% thì cần bao nhiêu tấn dung dịch H_2SO_4 70% ?

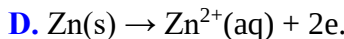
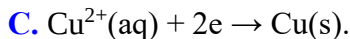
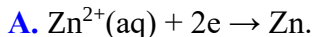
- A. 517,52 tấn. B. 362,26 tấn. C. 414,02 tấn. D. 258,76 tấn.

Câu 8: "...(1)... là vật liệu được tổ hợp từ hai hay nhiều vật liệu khác nhau, tạo nên vật liệu mới có tính chất vượt trội so với các vật liệu thành phần. Trong đó vật liệu ...(2)... có vai trò đảm bảo cho các thành phần cốt của composite liên kết với nhau nhằm tạo ra tính nguyên khối và thống nhất". Nội dung phù hợp trong các ô trống (1), (2) lần lượt là

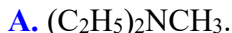
- A. Chất dẻo, cốt. B. Chất dẻo, nền.
 C. Vật liệu composite, nền. D. Vật liệu composite, cốt.

Câu 9: Phản ứng xảy ra trong pin Galvani Zn-Cu là: $\text{Zn(s)} + \text{Cu}^{2+}(\text{aq}) \rightarrow \text{Zn}^{2+}(\text{aq}) + \text{Cu(s)}$

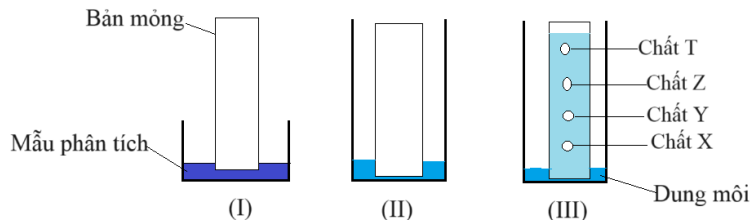
Quá trình xảy ra tại anode (hay cực âm) của pin là



Câu 10: Amine nào dưới đây là amine bậc 2?



Câu 11: Sắc kí lớp mỏng được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như: xét nghiệm độ tinh khiết của các hóa chất phóng xạ hay thử tinh khiết, bán định lượng hoặc định lượng các hoạt chất thuốc,... Ban đầu, bản mỏng được nhúng vào mẫu (giai đoạn I) tiếp sau đó đem nhúng bản mỏng trong dung môi (giai đoạn II), dung môi sẽ dịch chuyển dần lên phía trên và kéo theo các chất trong mẫu lên (hình III).



Chất nào bị bản mỏng hấp phụ mạnh nhất?

A. chất Y.

B. chất Z.

C. chất X.

D. chất T.

Câu 12: Cho các dụng cụ thí nghiệm sau:



Tên gọi của các dụng cụ trên lần lượt là

A. Ống burette, ống pipette, phễu chiết, bình erlen, ống sinh hàn.

B. Ống burette, ống pipette, ống sinh hàn, phễu chiết, bình erlen.

C. Ống pipette, ống burette, bình erlen, phễu chiết, ống sinh hàn.

D. Ống pipette, ống burette, phễu chiết, bình erlen, ống sinh hàn.

Câu 13: Cho X, Y, Z, T là các chất khác nhau trong số bốn chất: CH_3COOH , $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{OH}$, CH_3CHO , HCOOH và các tính chất được ghi trong bảng sau:

Chất	X	Y	Z	T
Nhiệt độ sôi	78,3	100,8	21,0	118,0
pH (dung dịch 0,001M)	7,00	3,47	7,00	3,88

Phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Từ chất X có thể điều chế trực tiếp được chất T.

B. Trong dung dịch nước, chất Z không tạo được liên kết hydrogen với nước.

C. Chỉ dùng quỳ tím và thuốc thử Tollens phân biệt được bốn dung dịch của bốn chất trên.

D. Lực acid của Y lớn hơn lực acid của T hay $K_a(\text{Y})$ lớn hơn $K_a(\text{T})$.

Câu 14: Hoa đậu biếc tên tiếng Anh là butterfly pea, là một loại hoa được trồng phổ biến tại các quốc gia Nam Á và Đông Nam Á như Ấn Độ, Thái Lan, Singapore, Việt Nam.... Hoa có tên gọi như vậy vì cây đậu biếc thuộc họ đậu, sống dây leo và cánh hoa có màu xanh tím giống hình con bướm. Khi sử dụng đậu biếc làm chất tạo màu tự nhiên, người ta thường đun sôi hoa đậu biếc với nước, hoặc ngâm cánh hoa trong nước sôi từ 10 đến 15 phút, màu hoa sẽ được trích ly tạo thành màu xanh biếc. Sắc tố tạo màu đặc trưng cho đậu biếc là các hợp chất thuộc nhóm anthocyanin, một trong những chất chống oxy hóa tự nhiên. Điểm đặc biệt của nhóm anthocyanin là màu của chúng thay đổi dưới tác dụng pH của môi trường. Ở môi trường $\text{pH} < 7$ (môi trường Acid), anthocyanin chuyển sang đỏ tím, ngược lại chúng chuyển sang màu xanh thẫm khi môi trường $\text{pH} \geq 7$. Dự đoán màu của dung dịch khi trộn lẫn 20 mL dung dịch NaOH 0,01M với 20 mL dung dịch HCl 0,03 M được dung dịch Y. Dung dịch Y làm hoa đậu biếc chuyển sang màu :

A. đỏ tím.

B. xanh thẫm.

C. tím.

D. vàng.

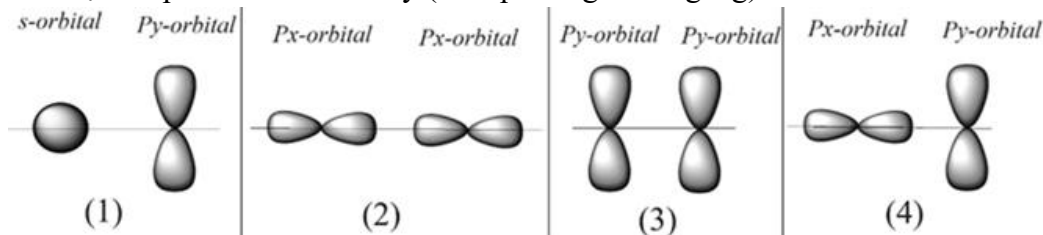
Câu 15: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (1) Đốt dây nhôm trong bình khí oxygen.
- (2) Cho đinh thép sạch vào dung dịch H_2SO_4 loãng.
- (3) Cho thanh sắt vào dung dịch $CuSO_4$.
- (4) Nối dây nhôm với dây đồng rồi để trong không khí ẩm.

Số thí nghiệm có xảy ra ăn mòn điện hóa học là

- A. 4. B. 2. C. 1. D. 3.

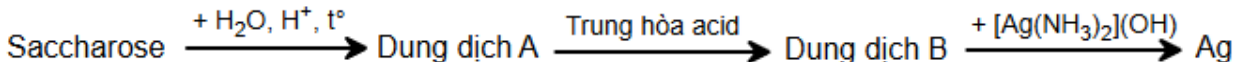
Câu 16: Cho mô tả sự xen phủ các AO sau đây (theo phương nằm ngang)



Trường hợp có thể tạo thành liên kết (xích ma) là

- A. (3). B. (4). C. (1). D. (2).

Câu 17: Một xưởng sản xuất muốn phủ một lớp bạc dày $0,1 \mu m$ lên 1000 chiếc ruột phích với diện tích bề mặt mỗi chiếc là $0,2 m^2$, khối lượng riêng của bạc là $10,49 g/cm^3$. Họ sử dụng dung dịch saccharose có nồng độ 5% để thực hiện phản ứng theo sơ đồ sau (biết rằng hiệu suất cả quá trình là 80%):



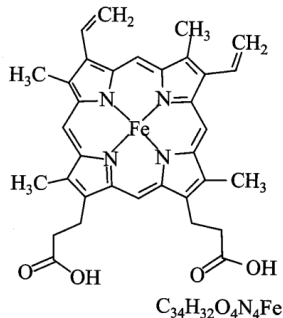
Cho các nhận định sau:

- (a) Trong quá trình sản xuất, lượng dung dịch saccharose 5% ít nhất cần dùng là 8,3 kg.
- (b) Lượng bạc được tráng lên 1000 chiếc ruột phích là 209,8 gam.
- (c) Trong dung dịch A có hai loại monosaccharide.
- (d) Trong quá trình thủy phân saccharose có thể thay xúc tác acid bằng xúc tác base.

Trong các nhận định trên, số nhận định **đúng** là

- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 18: Hemoglobin là thành phần cấu tạo nên hồng cầu trong các mạch máu. Mỗi phân tử hemoglobin chứa 4 heme B. Mỗi heme B là phức chất với nguyên tử trung tâm là sắt (iron). Heme B kết hợp thêm một phân tử oxygen thông qua đường hô hấp để vận chuyển dưỡng khí đến mô. Heme B cũng kết hợp được với phân tử carbon monoxide (CO). Khi con người hít thở không khí có nồng độ CO cao (như không khí ở các đám cháy, không khí trong nhà kín có đốt than để sưởi ấm) có thể bị hôn mê, thậm chí tử vong.



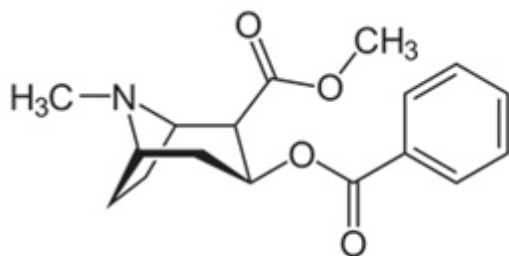
- (i) Dạng hình học của heme B là bát diện.
- (ii) Mỗi phân tử hemoglobin có khả năng kết hợp tối đa với 2 phân tử O_2 .
- (iii) Liên kết giữa heme B với O_2 bền hơn liên kết giữa heme B với CO.
- (iv) Heme B là phức chất có màu.

(Các) phát biểu nào **sai**?

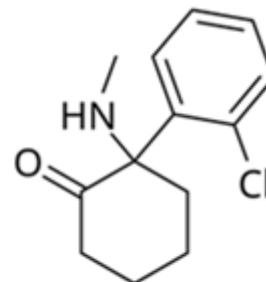
- A. chỉ iv B. i và ii C. chỉ ii D. i, ii, iii

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cocaine là chất gây nghiện, do đó cocaine có thể gây lệ thuộc sau khi sử dụng chỉ trong một thời gian ngắn. Các tác hại khác bao gồm tăng nguy cơ đột quỵ, nhồi máu cơ tim, tổn thương phổi và có thể đột tử do nguyên nhân tim mạch. Cũng giống như cocaine, ketamine là loại thuốc được dùng phổ biến trong giới giải trí, thường gọi tắt (hay tiếng lóng) là "Ke", nó làm biến dạng nhận thức về hình ảnh, âm thanh và tạo ra cảm giác phân li giữa bản thân và môi trường xung quanh. Cocaine và ketamine có công thức cấu tạo là:



Cocaine



Ketamine

- a) Cocaine và ketamine đều là hợp chất hữu cơ tạp chức và gây nghiện.
- b) Phân tử khối của cocaine và ketamine hơn kém nhau 65,5 amu.
- c) Cho 1 mol cocaine phản ứng hoàn toàn với dung dịch NaOH, tổng khối lượng muối có trong dung dịch sau phản ứng là 368 gam.
- d) Trên phổ IR, cocaine và ketamine đều có tín hiệu đặc trưng của liên kết N-H.

Câu 2: Nghiên cứu ảnh hưởng của hiệu điện thế đến phản ứng điện phân, một nhóm học sinh cho rằng, dòng điện có hiệu điện thế càng lớn thì tổng khối lượng chất rắn và chất khí sau điện phân càng lớn. Để thực hiện điều đó, nhóm học sinh tiến hành như sau :

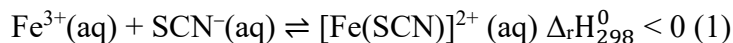
- **Bước 1:** Lấy cốc thể tích 100 mL, thêm vào đó 2,5 gam $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$ và thêm nước vào cho đến khi thể tích dung dịch là 25 mL.
- **Bước 2:** Thêm tiếp dung dịch H_2SO_4 1M vào dung dịch cho đến khi thể tích dung dịch đạt 40 mL. Đem cân toàn bộ cốc thì thấy khối lượng là m gam.
- **Bước 3:** Lấy hai điện cực than chì, nhúng vào dung dịch trong cốc (hai điện cực không tiếp xúc với nhau) và nối một điện cực với cực dương và nối một điện cực với cực âm của pin điện 2V.
- **Bước 4:** Thực hiện điện phân trong khoảng thời gian 10 phút, sau đó lấy hai điện cực ra và đem cân lại cốc đựng dung dịch sau điện phân thì khối lượng cốc là m_2 gam.

Lặp lại thí nghiệm khi thay dòng điện 2V bằng các dòng điện 4V, 6V, 8V, 10V. Kết quả thí nghiệm :

Hiệu điện thế (V)	2	4	6	8
$\Delta m = m_1 - m_2$	1,5	1,2	1,0	0,8

- a) Các quá trình khử ion Cu^{2+} thành Cu và khử ion H^+ thành H_2 xảy ra tại điện cực than chì nối với cực âm.
- b) Quá trình oxi hóa H_2O tạo thành khí O_2 và ion H^+ xảy ra tại điện cực than chì nối với cực dương.
- c) Sự chênh lệch khối lượng trước và sau điện phân đúng bằng khối lượng chất trong dung dịch đã điện phân.
- d) Kết quả thí nghiệm chứng tỏ nhận định ban đầu của nhóm học sinh là sai.

Câu 3: Sự hình thành ion phức $[\text{Fe}(\text{SCN})]^{2+}$ trong dung dịch nước được biểu diễn bằng cân bằng hóa học ở dưới đây. Người ta đề xuất xác định gián tiếp nồng độ của ion Fe^{3+} trong dung dịch bằng cách sử dụng quang phổ UV-Vis để đo nồng độ của ion phức $[\text{Fe}(\text{SCN})]^{2+}$ có màu đỏ được tạo ra.



Màu vàng

Màu đỏ

- Phản ứng tạo thành ion phức $[\text{Fe}(\text{SCN})]^{2+}$ là phản ứng tỏa nhiệt.
- Nếu thêm 1,0 mL dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ vào cân bằng (1), thì màu đỏ của phức sẽ đậm hơn.
- Để xác định chính xác nhất về nồng độ của ion Fe^{3+} trong dung dịch ban đầu bằng cách sử dụng quang phổ UV-Vis thì cân bằng (1) phải có giá trị của hằng số cân bằng lớn, sử dụng dư SCN^{-} và phản ứng được thực hiện ở nhiệt độ thấp.
- Khi hỗn hợp cân bằng (1) bị pha loãng, cân bằng (1) dịch chuyển theo chiều thuận.

Câu 4: Acquy chì được sử dụng phổ biến trong nhiều phương tiện giao thông như xe máy, ô tô. Acquy chì gồm một điện cực Pb và một điện cực Pb có phủ PbO_2 nhúng trong dung dịch H_2SO_4 nồng độ khoảng 40%. Phản ứng xảy ra trong acquy chì khi phóng điện và khi nạp điện như sau:



Trong đó quá trình thuận là quá trình phóng điện, quá trình nghịch là quá trình nạp điện.

- Khi acquy phóng điện, ở anode xảy ra quá trình oxi hóa Pb.
- Trong quá trình nạp điện cho acquy chì bằng dòng điện một chiều có cường độ 2,0A trong 1 giờ thì có 26,2 gam PbSO_4 tham gia phản ứng. Giả thiết: H_2SO_4 40% chỉ là acid mạnh ở nấc thứ nhất; hiệu suất quá trình nạp điện cho acquy chì đạt 100%. Biết điện lượng được tính theo công thức: $q = I \cdot t = n \cdot F$. Trong đó t là thời gian (s), I là cường độ dòng điện (A), n là số mol electron trao đổi ở mỗi điện cực, $F = 96500 \text{ C/mol}$. (Kết quả chỉ được làm tròn ở bước tính cuối cùng và làm tròn đến hàng phần mười).
- Khi acquy nạp điện, ở cathode xảy ra quá trình chuyển PbSO_4 thành PbO_2 .
- Trong quá trình phóng điện, khối lượng của anode giảm còn khối lượng của cathode tăng.

PHẦN III: Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Trong y học, mỗi gói thuốc Atirlic 15g chứa hai thành phần chính đó là magnesium hydroxide (800,4 mg) và aluminium hydroxide (3030,3 mg). Đây là hai chất thường phối hợp với nhau trong điều trị bệnh dạ dày, có khả năng trung hòa acid dịch vị và làm tăng độ pH, giúp giảm các triệu chứng khó chịu do tăng tiết acid.



Tính số gói thuốc Atirlic 15g cần thiết để tăng pH dạ dày từ 1 lên 4? Giả sử thể tích dịch vị là 2,5 lít và các tá dược khác trong thuốc không phản ứng với acid. (Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị)

Đáp số:.....

Câu 2: Cho sơ đồ phản ứng sau, các chất phản ứng theo đúng tỉ lệ mol:

- (1) $X + H_2O \text{ (enzyme)} \rightarrow Y$
- (2) $2Y + Cu(OH)_2 \rightarrow T + 2H_2O$
- (3) $X + 3nHNO_3 \text{ (H}_2\text{SO}_4 \text{ đặc)} \rightarrow Z + 3nH_2O$
- (4) $Y \text{ (enzyme)} \rightarrow 2Q$

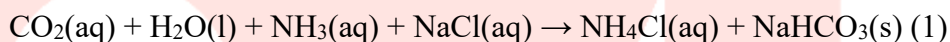
Biết rằng các chất X, Y, T, Q đều chứa nhóm $-OH$, chất Z có tính nổ mạnh, nhạy với va đập, ma sát và nhiệt. Cho các phát biểu sau:

- (1) Phản ứng (1) có thể thay enzyme bằng dung dịch H_2SO_4 70%, đun nóng.
- (2) Phản ứng (2) chứng tỏ chất Y có tính chất của một polyalcohol.
- (3) Chất Q có thể tham gia phản ứng trùng ngưng.
- (4) Chất X là polymer tự nhiên.
- (5) Chất X không tan trong nước lạnh, tan một phần trong nước nóng.

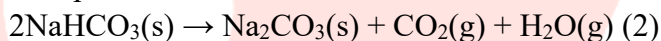
Liệt kê các phát biểu **đúng** theo thứ tự tăng dần (Ví dụ: 123, 1245,...)

Đáp số:.....

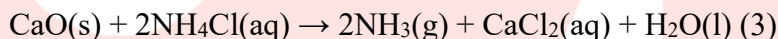
Câu 3: Trong công nghiệp, một lượng lớn $NaHCO_3$ và Na_2CO_3 được sản xuất theo phương pháp Solvay bằng cách cho khí CO_2 (lấy từ nhiệt phân đá vôi) vào dung dịch chứa sodium chloride ($NaCl$) bão hoà và ammonia (NH_3) bão hoà:



$NaHCO_3$ tách ra đem nhiệt phân thu được soda:



Để tái sử dụng NH_3 , người ta cho dung dịch NH_4Cl phản ứng với CaO (thu được từ quá trình nhiệt phân đá vôi):



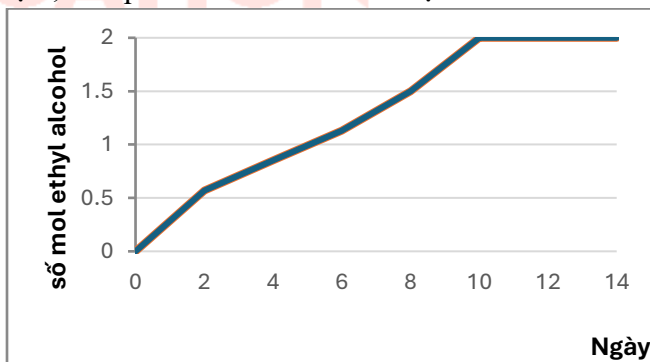
Cho các phát biểu sau:

- (1) Phản ứng (1) xảy ra được là do $NaHCO_3$ có độ tan kém hơn nên bị kết tinh trước.
- (2) Trong thực tế sản xuất, người ta đun nóng hỗn hợp các chất tham gia phản ứng (1) để thu lấy Na_2CO_3 ngay.
- (3) Quá trình sản xuất soda, NH_3 được tái sử dụng giúp giảm chi phí sản xuất và giảm thiểu ô nhiễm trường.
- (4) $NaHCO_3$ được ứng dụng làm bột nở là do phản ứng (2).
- (5) Soda là nguyên liệu quan trọng trong sản xuất thủy tinh, bột giặt, chất tẩy rửa.

Liệt kê các phát biểu **đúng** theo thứ tự tăng dần (Ví dụ: 123, 1245,...)

Đáp số:.....

Câu 4: Trong quá trình lên men tinh bột thành ethanol, nấm men là chất xúc tác giúp chuyển hóa glucose thành ethanol và khí CO_2 trong điều kiện yếm khí (không có oxygen). Từ 300 gam glucose, thực hiện quá trình lên men rượu trong phòng thí nghiệm, kết quả biểu diễn theo đồ thị sau:



Kết quả nghiên cứu nhận thấy:

- Tốc độ phản ứng tăng lên và dung dịch trở nên đặc và nhiệt độ dung dịch tăng dần.
- Sau ngày thứ 10, phản ứng hầu như dừng lại mặc dù trong dung dịch vẫn còn glucose chưa bị chuyển hóa hết.

Cho các phát biểu sau:

- (1) Ngoài ethanol (C_2H_5OH), trong quá trình lên men, có thể sinh ra các sản phẩm phụ như acetaldehyde (CH_3CHO), acetic acid (CH_3COOH) hoặc ethyl acetate ($CH_3COOC_2H_5$) tùy theo các điều kiện của quá trình lên men.
- (2) Từ 300gam glucose, sau 12 ngày thực hiện quá trình lên men rượu trong phòng thí nghiệm thì thu được 2mol ethyl alcohol.
- (3) Hiệu suất của quá trình lên men tại ngày thứ 10 là 85%.
- (4) Phương trình lên men tinh bột là: $C_6H_{12}O_6 \xrightarrow{\text{men rượu}} 2C_2H_5OH + 2CO_2$
- (5) Để tăng tốc độ lên men ta có thể đun nóng hỗn hợp ban đầu.
- (6) Quá trình lên men rượu lag giá trình thu nhiệt

Liệt kê các phát biểu **đúng** theo thứ tự tăng dần (Ví dụ: 123, 1245,...)

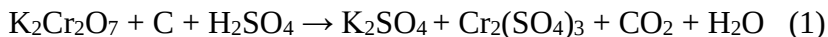
Đáp số:.....

Câu 5: Theo quy ước, một đơn vị độ cứng ứng với 0,5 milimol Ca^{2+} hoặc Mg^{2+} trong 1,0 lít nước. Một loại nước cứng chứa đồng thời các ion Ca^{2+} , HCO_3^- và Cl^- . Để làm mềm 10 lít nước cứng đó cần dùng vừa đủ 100 ml dung dịch chứa NaOH 0,2M và Na_3PO_4 0,2M, thu được nước mềm (không chứa Ca^{2+}). Số đơn vị độ cứng có trong nước cứng đó là a. Tính a? (Kết quả làm tròn đến hàng đơn vị)

Đáp số:.....

Câu 6: Mùn là loại vật chất hữu cơ phức tạp trong đất, độ màu mỡ của đất phụ thuộc vào hàm lượng mùn trong đất. Xác định carbon trong đất để tính hàm lượng mùn trong đất theo phương pháp Tiurin như sau:

Bước 1: Cân 0,35 gam một mẫu đất khô rồi cho phản ứng với 11,7 mL dung dịch $K_2Cr_2O_7$ 0,1 M trong H_2SO_4 loãng, dư, đun nóng (cho biết có 90% lượng carbon đã bị oxi hóa ở phản ứng này) thu được dung dịch X, sơ đồ phản ứng xảy ra như sau:



Bước 2: Chuẩn độ dung dịch X thu được ở bước 1 bằng dung dịch $FeSO_4$ 0,1221 M trong H_2SO_4 loãng với chất chỉ thị thích hợp (cho biết phản ứng xảy ra hoàn toàn) thì dùng hết 18,7 mL, sơ đồ phản ứng xảy ra như sau:



Theo phương pháp Tiurin, khối lượng mùn trong đất bằng khối lượng carbon trong đất nhân với hệ số 1,724 và từ đó xác định được hàm lượng mùn trong đất là a% khối lượng. Giá trị của a bằng bao nhiêu? (Không làm tròn khi tính toán và kết quả cuối cùng làm tròn đến hàng phần mười).

Đáp số:.....